

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, bà Đoàn Thị Chuyền.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- **Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thanh T** - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh H

Chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện M, tỉnh H

- **Bị đơn:** Anh **Trần Huy T1** - sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thanh T trình bày:** Chị và anh Trần Huy T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 08/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 3/2023 chị bỏ về nhà đẻ ở được 03 tháng, sau đó được sự động viên của hai bên gia đình và anh T1 đã đến tìm chị vì các con nên tháng 6/2023 chị về đoàn tụ. Sau khi về chung sống được một thời gian thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Tháng 12/2023 chị đưa cháu Trần Phương A về nhà đẻ ở, sau khi chị về nhà đẻ ở anh T1 không đến tìm lần nào, vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 12/2023 không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện chị không còn tình cảm với anh T1 nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T1. Anh T1 không nhất trí ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị. Do vậy chị vẫn giữ nguyên quan

điểm xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Trần Phương T2, sinh ngày 30/4/2018 và cháu Trần Phương A, sinh ngày 05/02/2023. Cháu T2 đang ở với bố, cháu Phương A đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một con, giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương A, giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu T2, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Chị đang là lao động tự do, thu nhập từ 8.000.000 đến 9.000.000 đồng/tháng. Chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị, điều kiện về chỗ ăn, ở đảm bảo, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị nuôi con. Anh T1 là lao động tự do đủ điều kiện để nuôi cháu T2, do vậy chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng cháu A, giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu T2. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung, công sức.

- **Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án**, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Trần Huy T1 và đã giao các văn bản tố tụng cho anh T1 biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T1 vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh T1 đến phiên tòa nhưng anh T1 đều không có mặt tại phiên tòa.

Lời khai của người thân gia đình chị T là bà Nguyễn Thị H xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thanh T là bà ngoại của cháu Trần Phương A và cháu Trần Phương T2. Quá trình chung sống, chị T, anh T1 có mâu thuẫn. Tháng 12/2023 chị T đã về ở cùng với ông bà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh T1, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Anh T1, chị T có 02 con chung là cháu Trần Phương T2, sinh ngày 30/4/2018 và cháu Trần Phương A, sinh ngày 05/02/2023, cháu T2 đang ở với bố, cháu Phương A đang ở với mẹ, bà đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của chị T và anh T1. Trường hợp Tòa án giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương A, vợ chồng bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị T về chỗ ăn, ở và việc chăm sóc con với điều kiện tốt nhất cả về vật chất và tinh thần. Quá trình chung sống anh T1, chị T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của người thân gia đình anh T1 là ông Trần Huy H1 xác định: Ông là bố đẻ của anh Trần Huy T1. Quá trình chung sống anh T1, chị T sống hòa thuận, hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống và trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn căng thẳng nhất khoảng 05 tháng nay, anh T1 đã đuổi chị T về nhà đẻ ở, từ đó chị T không về chung sống với anh T1 nữa, sau khi chị T về nhà đẻ ở, anh T1 không đến tìm chị T lần nào, hai bên gia đình cũng không gặp nhau để hòa giải, anh T1, chị T sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Chị T xin ly hôn anh T1, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T1, chị T, việc ly hôn do anh chị ấy tự quyết định. Anh T1, chị T có 02 con chung là cháu Trần Phương T2 và cháu Trần Phương A, cháu

T2 đang ở với anh T1 và ông bà nội, cháu Phương A đang ở với mẹ, việc giải quyết nuôi dưỡng con chung ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh T1, chị T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà. Anh T1 là lao động tự do, làm nghề lái xe, thường xuyên ở nhà, làm việc chủ động về thời gian, có thể chăm sóc con bất cứ lúc nào, thu nhập của anh T1 từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu T2. Bố con anh T1 đang ở với vợ chồng ông, nhà đất rộng rãi, vợ chồng ông vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho bố con anh T1 về chỗ ăn, ở và việc chăm sóc con khi anh T1 đi làm.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Đ trình bày: Anh T1, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T ngày 08/12/2017. Trong thời gian chung sống anh T1, chị T mâu thuẫn như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị T xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thanh T được ly hôn anh Trần Huy T1.

*Về con chung:* Xử giao cháu Trần Phương A, sinh ngày 05/02/2023 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Phương T2, sinh ngày 30/4/2018 cho anh T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Chị Vũ Thanh T và Trần Huy T1, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Chị Vũ Thanh T là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Huy T1 là bị đơn; Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị Vũ Thanh T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh T1 vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thanh T và anh Trần Huy T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 08/12/2017. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị T, phản ánh của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị T đã đưa con về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt, và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn không hợp tác. Nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T, do vậy xử cho chị Vũ Thanh T được ly hôn anh Trần Huy T1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh T1 có 02 con chung là cháu Trần Phương T2, sinh ngày 30/4/2018 và cháu Trần Phương A, sinh ngày 05/02/2023. Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A, anh T1 đang nuôi dưỡng cháu T2. Ly hôn chị T đề nghị giao cho chị nuôi dưỡng cháu Phương A, giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu T2, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T đang là lao động tự do thu nhập từ 08 đến 09 triệu đồng/tháng, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, tạo điều kiện hỗ trợ cho chị trong việc nuôi con. Anh T1 đang nuôi dưỡng cháu T2, anh làm nghề lái xe thu nhập từ 5 đến 07 triệu đồng/tháng, bố con anh T1 đang ở cùng với bố mẹ anh, nhà đất rộng rãi, bố mẹ anh vẫn khỏe mạnh sẵn sàng hỗ trợ cho anh T1 về chỗ ăn, ở và việc chăm sóc con khi anh T1 đi làm. Chị T, anh T1 đều đủ điều kiện nuôi con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu T2 do anh T1 nuôi dưỡng vẫn đảm bảo tốt các điều kiện vật chất và tinh thần để nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu, đang ổn định và sự phát triển của cháu T2 và cháu Phương A nên cần chấp nhận yêu cầu của các bên. Hội đồng xét

xử: Giao cháu Trần Phương T2 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Trần Phương A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Vũ Thanh T, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thanh T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí, lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thanh T được ly hôn anh Trần Huy T1.

2. *Về nuôi con chung*: Xử giao cháu Trần Phương A, sinh ngày 05/02/2023 cho chị Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Phương T2, sinh ngày 30/4/2018 cho anh Trần Huy T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/2023 số: 000703 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện;  
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyến***